

**I. Phần trắc nghiệm:** Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

**Câu 1:** Số lớn nhất trong các số 38, 11, 27, 39 là:

- A. 38                      B. 11                      C. 27                      D. 39

**Câu 2:** Cách đọc “Ba mươi sáu” biểu thị số:

- A. 34                      B. 35                      C. 36                      D. 37

**Câu 3:** Số còn thiếu trong dãy số 20, 30, 40, ....là:

- A. 41                      B. 50                      C. 51                      D. 39

**Câu 4:** Số 32 được đọc là:

- A. Hai mươi ba      B. Ba mươi hai      C. Ba và hai      D. Hai và ba

**Câu 5:** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm .... > 24 là:

- A. 15                      B. 25                      C. 16                      D. 18

**II. Phần tự luận**

**Bài 1:** Điền số thích hợp vào bảng (theo mẫu):

| Số | Chục | Đơn vị |
|----|------|--------|
| 32 | 3    | 2      |
| 19 |      |        |
|    | 2    | 8      |
| 14 |      |        |
|    | 2    | 7      |
| 33 |      |        |

**Bài 2:** Tính:

$12 + 7 =$

$18 - 6 =$

$30 + 40 =$

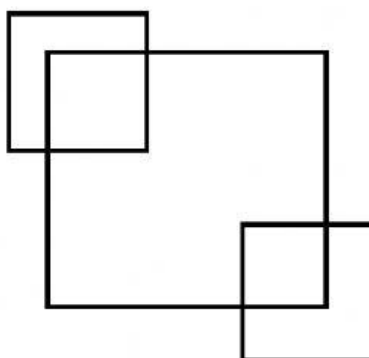
$90 - 20 - 10 =$

**Bài 3:**

a) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

|    |  |  |    |    |  |  |    |  |  |
|----|--|--|----|----|--|--|----|--|--|
| 10 |  |  | 40 | 50 |  |  | 80 |  |  |
|----|--|--|----|----|--|--|----|--|--|

b) Trong hình vẽ dưới đây có bao nhiêu hình vuông?



**Bài 4:** Nối các số từ bé đến lớn và tô màu hình vẽ dưới đây:

